

CHÍNH PHỦ**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 63/2002/
NĐ-CP ngày 18/6/2002 quy định
về khám bệnh, chữa bệnh cho thân
nhân sĩ quan tại ngũ.****CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng
12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt
Nam số 10/1999/QH ngày 21 tháng 12 năm 1999;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH:*Chương I***NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Nghị định này quy định việc khám bệnh, chữa bệnh miễn hoặc giảm viện phí theo chế độ bảo hiểm y tế tại các cơ sở quân y và dân y cho thân nhân sĩ quan tại ngũ (sau đây gọi là thân nhân sĩ quan) không có chế độ bảo hiểm y tế.

Điều 2.

1. Thân nhân sĩ quan tại ngũ được khám bệnh, chữa bệnh miễn hoặc giảm viện phí, theo chế độ bảo hiểm y tế, gồm: bố mẹ đẻ; bố mẹ đẻ của vợ hoặc chồng sĩ quan; bố mẹ nuôi, người nuôi dưỡng hợp pháp theo quy định của pháp luật của vợ và của chồng sĩ quan; vợ hoặc chồng của sĩ quan; con đẻ, con nuôi dưới 18 tuổi; con đủ 18 tuổi trở lên nhưng bị tàn tật mất khả năng lao động.

2. Thân nhân sĩ quan không được áp dụng chế độ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này, gồm: người có bảo hiểm y tế; con sĩ quan từ đủ 18 tuổi trở lên không thuộc trường hợp bị tàn tật, mất khả năng lao động.

Điều 3. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cho thân nhân sĩ quan tại ngũ, gồm: các cơ sở y tế dân y, quân y và các cơ sở y tế khác có ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh với cơ quan bảo hiểm y tế, thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Điều 4. Việc khám bệnh, chữa bệnh cho thân nhân sĩ quan tại ngũ phải đúng đối tượng, đúng chế độ, chính sách và thuận tiện.

*Chương II***QUẢN LÝ, ĐĂNG KÝ KHÁM BỆNH,
CHỮA BỆNH CHO THÂN NHÂN
SĨ QUAN TẠI NGŨ****Điều 5.**

1. Sĩ quan có thân nhân được hưởng chế độ bảo hiểm y tế, gồm những sĩ quan thuộc lực lượng thường trực đang công tác trong quân đội hoặc đang được biệt phái.

2. Sĩ quan quy định tại khoản 1 Điều này nếu thôi phục vụ tại ngũ để nghỉ hưu, chuyển ngành, phục viên; bị tước danh hiệu sĩ quan hoặc bị chết thì thân nhân của họ thôi hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định tại Nghị định này.

Điều 6. Việc quản lý sĩ quan, thân nhân sĩ quan để thực hiện chế độ bảo hiểm y tế thuộc trách nhiệm của đơn vị trực tiếp quản lý sĩ quan. Định kỳ 6 tháng một lần, đơn vị quản lý sĩ quan có trách nhiệm đăng ký, lập danh sách số sĩ quan và thân nhân sĩ quan, di biến động để điều chỉnh việc cấp thẻ bảo hiểm y tế cho thân nhân sĩ quan theo quy định tại Nghị định này.

Điều 7. Sĩ quan có trách nhiệm đăng ký với đơn vị nơi cư trú, nơi khám bệnh, chữa bệnh của

thân nhân được hưởng bảo hiểm y tế. Khi có thân nhân không còn đủ tiêu chuẩn hưởng chế độ khám bệnh, chữa bệnh theo Nghị định này thì sĩ quan có trách nhiệm báo cáo kịp thời với đơn vị quản lý trực tiếp để dừng việc cấp thẻ bảo hiểm y tế cho thân nhân theo quy định của Nghị định này.

Điều 8. Cơ quan bảo hiểm y tế Việt Nam căn cứ vào danh sách thân nhân sĩ quan do Bộ Quốc phòng cung cấp để lập thẻ, đăng ký cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo địa bàn cư trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho từng người, đúng thời gian quy định.

Chương III

TRÁCH NHIỆM BẢO ĐẢM KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH CHO THÂN NHÂN SĨ QUAN TẠI NGŨ

Điều 9. Mức đóng bảo hiểm y tế hàng năm cho một người thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này là 3% mức lương tối thiểu theo quy định của Chính phủ.

Điều 10. Thân nhân sĩ quan hưởng chế độ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Nghị định này khi khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế được thanh toán theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo hiểm y tế.

Điều 11.

1. Hàng năm, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm lập dự toán ngân sách để mua bảo hiểm y tế và cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho thân nhân sĩ quan tại ngũ theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan quân sự địa phương từ cấp quận, huyện trở lên có trách nhiệm phối hợp với cơ quan bảo hiểm y tế địa phương để theo dõi, kiểm tra, giải quyết các vấn đề liên quan đến việc cấp, phát thẻ Bảo hiểm y tế, đăng ký nơi khám, chữa bệnh và thực hiện khám bệnh, chữa bệnh cho thân nhân sĩ quan tại ngũ trong phạm vi quản lý của mình.

Điều 12. Hàng năm, nguồn kinh phí để đóng bảo hiểm y tế cho thân nhân sĩ quan tại ngũ được bố trí trong dự toán ngân sách của Bộ Quốc phòng theo quy định của pháp luật.

Bộ Quốc phòng có trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn ngân sách cho việc mua thẻ bảo hiểm y tế đối với thân nhân gia đình sĩ quan tại ngũ theo quy định của pháp luật.

Bộ Tài chính có trách nhiệm bảo đảm cung cấp đầy đủ, kịp thời nguồn ngân sách cho hoạt động này theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện chế độ bảo hiểm y tế cho thân nhân sĩ quan theo đúng quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

Bộ Y tế chịu trách nhiệm chỉ đạo việc thực hiện khám, chữa bệnh cho thân nhân sĩ quan tại các cơ sở khám, chữa bệnh công lập và ngoài công lập.

Điều 14. Thân nhân sĩ quan khi khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế đã đăng ký được hưởng đầy đủ các quyền lợi và có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 16.

1. Quyền lợi khám bệnh, chữa bệnh của thân nhân sĩ quan quy định tại Nghị định này sẽ bị hủy bỏ nếu phát hiện có sự giả mạo hồ sơ, giấy tờ.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân vi phạm các quy định của Nghị định này, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý

hành chính, hoàn trả chi phí khám, chữa bệnh hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 17. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các Bộ trưởng Bộ Y tế, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

Điều 18. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 64/2002/
NĐ-CP ngày 19/6/2002 về việc
chuyển doanh nghiệp nhà nước
thành công ty cổ phần.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 20 tháng 4 năm 1995;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu của việc chuyển doanh nghiệp

nhà nước thành công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là cổ phần hóa).

1. Góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của doanh nghiệp; tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, trong đó có đông đảo người lao động; tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp để sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của Nhà nước và của doanh nghiệp.

2. Huy động vốn của toàn xã hội, bao gồm: cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong nước và ngoài nước để đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển doanh nghiệp.

3. Phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của các cổ đông; tăng cường sự giám sát của nhà đầu tư đối với doanh nghiệp; bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

1. Nghị định này áp dụng đối với các doanh nghiệp và đơn vị phụ thuộc của các doanh nghiệp quy định tại Điều 1 của Luật Doanh nghiệp nhà nước (trừ những doanh nghiệp nhà nước cần tiếp tục nắm giữ 100% vốn điều lệ), không phụ thuộc vào thực trạng kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định trong từng thời kỳ.

2. Việc cổ phần hóa đơn vị phụ thuộc của các doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được tiến hành khi:

a) Đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp có đủ điều kiện hạch toán độc lập;

b) Không gây khó khăn hoặc ảnh hưởng xấu đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp hoặc các bộ phận còn lại của doanh nghiệp.

3. Những doanh nghiệp hạch toán độc lập thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này có vốn nhà nước trên sổ sách kế toán dưới 5 tỷ đồng

0641651

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684

LawSoft